

KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1,813.1	260.0	129.1
1 ngày (%)	-1.8	0.4	0.3
1 tháng (%)	0.0	-1.9	0.3
Từ 2026	1.6	4.5	6.7
1 Năm (%)	38.5	9.1	29.8
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	328	16	26
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VNĐ)	1.7	3.2	1.6
Số mã tăng	120	88	133
Số mã giảm	214	75	145
Số mã tham chiếu	70	133	467

Nguồn: Bloomberg

Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

Nhóm BĐS giảm điểm khiến VN-Index thủng mốc 1.820 điểm

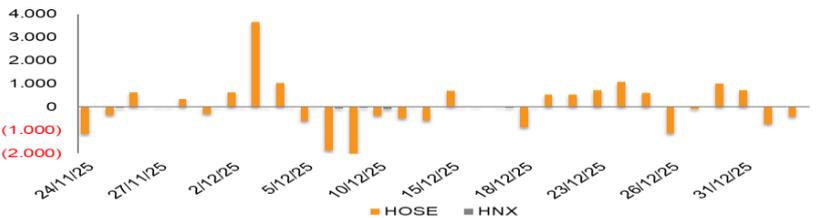
Phiên giao dịch hôm nay ghi nhận diễn biến tiêu cực trên diện rộng, sắc đỏ tiếp tục bao phủ với áp lực bán xuất hiện ngay từ đầu phiên và duy trì xuyên suốt phiên giao dịch. Kết thúc phiên giao dịch ngày 03/03, VN-Index đóng cửa tại 1.813,14 điểm, giảm 32,96 điểm (-1,79%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường tiếp tục nghiêng về chiều tiêu cực với 120 cổ phiếu tăng và 214 cổ phiếu, phản ánh áp lực phân phối còn chưa hạ nhiệt.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1.959,35 điểm, giảm 51,40 điểm (-2,56%), mức giảm vượt trội so với chỉ số chung cho thấy nhóm vốn hóa lớn chịu áp lực bán mạnh. Trong rổ VN30, lực bán áp đảo hoàn toàn khi chỉ ghi nhận 6 cổ phiếu tăng trong khi có tới 24 cổ phiếu giảm điểm, tín hiệu cho thấy dòng tiền lớn đang chủ động rút lui khỏi các bluechip, đặc biệt trong buổi chiều. Xét về nhóm ngành, nhóm dầu khí (+7,11%) là điểm sáng nổi bật nhất, hưởng lợi trực tiếp từ diễn biến leo thang địa chính trị tại Trung Đông đẩy giá dầu Brent vượt 80 USD/thùng. Hóa chất (+4,97%) và Dịch vụ tiện ích (+3,71%) cũng thu hút dòng tiền. Ở chiều ngược lại, Bất động sản (-5,64%) là nhóm giảm mạnh nhất, chịu áp lực bán tháo diện rộng khi nhà đầu tư lo ngại về triển vọng lãi suất và rủi ro vĩ mô gia tăng.

Thanh khoản giao dịch khớp lệnh sàn HOSE ngày 03/03 đạt 40.155 tỷ đồng, giảm 7,8% so với phiên trước đó (tương ứng mức giảm khoảng 3.380 tỷ đồng), tuy nhiên vẫn duy trì ở mức cao hơn trung bình 20 phiên gần nhất. Thanh khoản co lại trong bối cảnh thị trường tiếp tục giảm điểm là tín hiệu tích cực hơn so với phiên trước — cho thấy áp lực phân phối đang có dấu hiệu giảm bớt về cường độ, dù chưa đủ cơ sở để xác nhận lực cầu đang hấp thụ tốt. Trong bối cảnh thị trường ghi nhận hai phiên giảm mạnh liên tiếp với độ rộng tiêu cực và VN30 chịu áp lực lớn hơn chỉ số chung, nhà đầu tư cần thận trọng và ưu tiên quản trị rủi ro: Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: (1) Tránh tâm lý bán tháo trong các nhịp rung lắc, tận dụng các phiên phục hồi để cơ cấu lại các cổ phiếu yếu kém. (2) Ưu tiên giữ lại các cổ phiếu thuộc nhóm ngành có dòng tiền riêng biệt như Công nghệ và Bán lẻ. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: (1) Có thể bắt đầu giải ngân thăm dò với tỷ trọng thấp tại các vùng hỗ trợ mạnh của các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt. (2) Việc giải ngân nên tập trung vào các nhóm ngành dự kiến có kết quả kinh doanh quý 1/2026 khả quan.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.5	131.6	3.8	-2.8	-5.6	-2.5	33.3	35.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.5	24.3	5.7	0.3	-6.5	-4.8	8.2	29.2
Năng lượng	3.6	33.9	2.8	6.9	35.6	102.0	126.6	699.6
Tài chính	38.6	12.8	1.8	-1.4	-4.1	4.7	23.7	-16.2
Chăm sóc sức khỏe	0.5	35.5	2.8	0.2	-1.3	3.4	12.1	28.4
Công nghiệp	7.4	22.6	4.7	-1.9	-1.0	-2.6	47.0	-22.8
Công nghệ thông tin	2.0	16.9	3.9	-3.0	-16.2	-7.3	-25.5	-4.1
Vật liệu xây dựng	7.0	23.7	2.3	1.4	7.4	32.1	22.6	-15.3
Bất động sản	23.3	61.6	5.6	-5.9	9.3	-11.7	418.6	36.5
Dịch vụ tiện ích	5.4	22.1	3.6	5.2	6.2	52.2	64.6	80.3

Mua/(bán) ròng khối ngoại (tỷ VND)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Mỹ:** Theo Reuters, chỉ số đồng Đô la Mỹ (Dollar Index) giữ ở mức cao gần mức cao nhất trong 6 tuần, tăng gần 1% khi các cuộc tấn công ở Trung Đông khiến dòng vốn tìm đến tài sản an toàn như USD, trái phiếu Mỹ và các tài sản trú ẩn khác. Việc này diễn ra trong bối cảnh dữ liệu kinh tế Mỹ gần đây còn thiếu hụt và triển vọng lạm phát vẫn gây lo ngại, khiến thị trường kỳ vọng Fed tiếp tục giữ lãi suất cao trong ngắn hạn
- **Trung Quốc:** Số liệu từ một khảo sát tư nhân công bố hôm 01/03/2026 cho biết giá nhà mới tại 100 thành phố Trung Quốc giảm 0,04% trong tháng 2, đánh dấu mức giảm nhanh nhất trong hơn 3 năm, trái ngược với đà tăng tháng trước, cho thấy bất động sản vẫn là điểm yếu lớn trong nền kinh tế dù Chính phủ nỗ lực duy trì hỗ trợ.

Tin vĩ mô trong nước

- **Vốn FDI thực giải ngân đạt khoảng 27,62 tỷ USD trong năm 2025, mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây, trong khi tổng vốn đăng ký vượt 38 tỷ USD, phản ánh niềm tin của nhà đầu tư quốc tế vào môi trường kinh tế và chính sách vĩ mô Việt Nam.**
- **Lạm phát được kiểm soát dưới 4% và tỷ lệ nợ công giảm từ 44,3% GDP (2020) xuống khoảng 35% GDP (2025), tạo ra dư địa tài khóa rộng hơn cho năm 2026 – điều này rất quan trọng trong điều hành chính sách vĩ mô khi kinh tế thế giới còn nhiều bất định**

Tin ngành và doanh nghiệp

- **VPB – Chốt quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2026, đặt mục tiêu lãi hơn 41.000 tỷ đồng:** Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) (HOSE: VPB) vừa công bố nghị quyết HĐQT về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026. Theo đó, ngày 20/3/2026 sẽ là ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, với tỷ lệ thực hiện quyền 1:1 (1 cổ phiếu tương ứng 1 quyền biểu quyết).
- **VTP – Viettel Post tăng vốn cho công ty con kho vận, đẩy mạnh đầu tư hạ tầng logistics:** Tổng CTCP Bưu chính Viettel (Viettel Post) (HOSE: VTP) vừa thông qua nghị quyết HĐQT về việc bổ sung 10,2 tỷ đồng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ kho vận Viettel. Sau khi hoàn tất, vốn điều lệ của công ty con này sẽ tăng từ 10 tỷ đồng lên 20,2 tỷ đồng. Khoản vốn bổ sung nhằm phục vụ kế hoạch góp vốn thành lập công ty mới cùng đối tác (chưa công bố thông tin chi tiết). Viettel Post sẽ thực hiện góp vốn sau khi công ty con hoàn tất thủ tục thành lập doanh nghiệp liên doanh và ký kết thỏa thuận hợp tác đầu tư. Năm 2025, Viettel Post ghi nhận: Doanh thu thuần: 20.846,8 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế: 404,9 tỷ đồng (+5,7% YoY) – mức cao nhất lịch sử. Doanh nghiệp cơ bản hoàn thành kế hoạch năm (mục tiêu doanh thu 21.028 tỷ đồng, lợi nhuận 404,8 tỷ đồng).
- **SHB – Tăng vốn lên 53.442 tỷ đồng, củng cố nền tảng tài chính cho chu kỳ tăng trưởng mới:** SHB (HOSE: SHB) được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận tăng vốn điều lệ lên tối đa 53.442 tỷ đồng, theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua, tạo nền tảng tài chính cho giai đoạn tăng trưởng mới. Kế hoạch tăng vốn thực hiện qua 3 hình thức: (i) chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, (ii) chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và (iii) phát hành ESOP cho người lao động.
- **PVS – “Bệ phóng” tăng trưởng nhờ lợi nhuận kỷ lục và nền tảng tài chính vững mạnh:** PVS (HOSE: PVS) khép lại năm tài chính 2025 với mức lợi nhuận cao nhất lịch sử, phản ánh chu kỳ đầu tư dầu khí – năng lượng ngoài khơi bước vào pha sôi động và chiến lược mở rộng năng lực thi công, FSO/FPSO được đẩy mạnh. Lợi nhuận sau thuế 2025 đạt 1.899 tỷ đồng, tăng 51% YoY; riêng Q4/2025 lãi ròng hơn 950 tỷ đồng, tăng 73% YoY. Doanh thu hợp nhất đạt 32.556 tỷ đồng (+37%); riêng Q4 đạt 9.553 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp quý IV tăng 3,4 lần YoY, chi phí quản lý giảm 57%, cho thấy biên lợi nhuận cải thiện rõ rệt khi khối lượng công việc M&C tăng cao. Bước sang 2026, PVS dự kiến tổng vốn đầu tư 2.843 tỷ đồng (mức cao nhất từ trước đến nay), đồng thời định hướng giai đoạn 2026–2030 duy trì tăng trưởng doanh thu bình quân khoảng 15%/năm, với mục tiêu doanh thu hợp nhất toàn kỳ 180.000–220.000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 6.600–6.800 tỷ đồng. Nhu cầu vốn đầu tư dài hạn ước hơn 27.000 tỷ đồng cho FSO/FPSO.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Lãi suất liên ngân hàng qua đêm duy trì trên mức 10% ngày thứ hai liên tiếp. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục bơm ròng 8,6 nghìn tỷ đồng qua OMO để hỗ trợ thanh khoản.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lãi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3.81	-0.3	4.6	17.1	59.1
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	10.38	-7.7	7.6	529.1	120.9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	8.29	-4.7	11.6	0.5	78.3
USD/VND	26,185	-0.1	-0.7	0.4	-2.2
DXY	99.13	0.8	1.7	0.8	-7.1
Lãi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4.10	1.6	-3.9	-1.7	-1.4
Lãi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3.56	2.3	-2.3	0.6	-9.4

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5,271.10	-0.8	7.5	21.4	81.7
Xăng Ron 95 (USD/l) 1 th	74.83	5.1	18.4	30.3	9.4
Dầu Brent (USD/b) 1 tháng	81.65	5.0	21.3	34.2	14.0
Thép (USD/tấn)	460.1	0.0	-2.0	-2.4	-8.8
Thịt heo (USD/kg)	1.5	-1.5	-16.3	-16.3	-27.7
Gạo (USD/tấn)	481.7	2.2	-4.5	10.7	-20.1
Phân urea (USD/tấn)	441.5	3.0	14.4	28.9	11.8

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 02/03/2026	Việt Nam	Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất tháng 2.2026
Thứ Tư 04/03/2026	Trung Quốc	Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất và PMI lĩnh vực dịch vụ tháng 2.2026
Thứ Sáu 06/03/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 2.2026
	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 2.2026

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	6,991	5.4	3,279	51,100	73,300	44.5%	1.1%	16.9	2.6	17%
AST	130	0.0	5	75,500	85,400	16.4%	3.3%	13.7	5.8	45%
HVN	2,994	1.7	639	25,200	43,400	74.7%	2.5%	9.8	13.0	
VJC	3,394	11.8	796	164,100	113,600	-30.2%	0.6%	43.6	3.9	10%
Bán lẻ										
BAF	429	4.4	196	36,950	37,200	0.7%		68.5	2.8	3%
DGW	388	5.3	112	45,950	49,600	9.0%	1.1%	18.4	3.0	17%
FRT	1,073	3.7	174	165,000	150,300	-8.7%	0.2%	35.4	5.4	26%
MCH	7,468	1.8	2,606	150,800	147,000	-1.2%	1.4%	29.3	10.8	46%
MWG	4,980	25.4	69	88,200	96,300	10.3%	1.1%	18.4	4.0	23%
PNJ	1,589	7.4	12	122,000	109,900	-9.1%	0.8%	15.1	3.1	23%
QNS	684	0.3	277	48,700	53,400	11.7%	2.1%	8.0	1.4	18%
SAB	2,253	3.7	938	46,000	59,900	34.6%	4.3%	13.8	2.8	20%
VHC	538	3.0	429	62,800	71,300	16.7%	3.2%	10.3	1.5	15%
VNM	5,060	18.2	2,513	63,400	74,800	22.5%	4.5%	15.7	4.3	27%
Tài chính										
ACB	4,610	12.2	127	23,500	31,300	36.9%	3.7%	7.7	1.3	18%
BID	11,678	15.9	1,484	43,550	47,200	9.4%	1.0%	10.2	1.8	19%
CTG	10,649	23.5	494	35,900	49,000	37.4%	0.9%	8.1	1.6	21%
HDB	5,065	21.1	210	26,500	39,500	51.5%	2.4%	7.5	1.8	25%
LPB	4,837	3.3	204	42,400	33,400	-15.3%	5.9%	11.1	2.7	25%
MBB	8,321	32.1	1	27,050	32,900	23.5%	1.8%	8.1	1.6	22%
STB	4,881	29.1	750	67,800	45,700	-31.7%	0.9%	21.5	2.1	10%
TCB	9,093	16.8	0	33,600	40,300	22.9%	3.0%	9.4	1.4	16%
TPB	1,865	8.5	99	17,600	17,800	6.5%	5.4%	6.6	1.2	18%
VCB	19,657	25.7	1,839	61,600	69,300	13.2%	0.7%	14.6	2.3	17%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VIB	2,171	4.3	5	16,700	23,600	45.0%	3.7%	7.8	1.2	16%
VPB	8,317	22.7	425	27,450	37,100	37.0%	1.8%	9.1	1.3	15%
Dệt may										
MSH	165	0.8	72	38,500	40,600	15.8%	10.4%	7.1	2.3	33%
TCM	112	1.5	2	26,200	29,800	15.6%	1.9%	12.1	1.2	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2,478	3.0	815	62,700	68,600	11.2%	1.8%	18.8	2.9	16%
GMD	1,327	5.2	109	81,500	72,000	-9.2%	2.5%	22.3	2.7	12%
HAH	458	4.9	102	71,000	55,400	-20.9%	1.1%	10.3	2.7	29%
VSC	393	8.2	186	27,500	19,100	-28.7%	1.8%	30.2	1.9	7%
IDC	701	5.6	246	48,400	45,600	-2.7%	3.1%	9.5	2.8	32%
KBC	1,221	6.4	463	33,950	30,000	-10.5%	1.1%	13.8	1.3	10%
PHR	357	1.9	130	69,000	68,400	1.1%	2.0%	19.7	2.3	13%
VTP	470	3.5	205	101,100	129,200	28.9%	1.1%	35.3	7.0	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1,070	14.8	440	73,800	128,300	77.9%	4.1%	9.9	1.9	20%
HPG	8,120	43.7	2,162	27,700	30,000	9.4%	1.1%	13.8	1.6	13%
Dầu khí										
BSR	6,817	17.0	3,192	35,650	16,700	-51.9%	1.2%	34.4	3.0	9%
GAS	11,371	12.1	5,310	123,400	78,400	-34.8%	1.7%	26.1	4.5	18%
OIL	980	4.0	59	24,800	14,800	-39.3%	1.0%	78.5	2.5	3%
PLX	3,207	14.0	140	66,100	47,700	-26.0%	1.8%	35.2	3.2	10%
PVD	937	11.1	341	44,150	32,600	-20.5%	5.7%	26.9	1.5	6%
PVS	1,066	13.9	347	54,600	41,800	-22.2%	1.2%	15.3	1.9	13%
PVT	493	4.4	189	27,450	23,400	-13.9%	0.8%	12.4	1.5	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	814	5.8	363	31,350	22,700	-24.8%	2.8%	20.8	1.9	10%
DCM	994	5.0	432	49,150	40,000	-14.5%	4.1%	15.3	2.4	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
DDV	191	1.8	90	34,300	39,700	18.4%	2.6%	29.8	2.8	10%
PLC	114	1.0	55	37,000	34,100	-6.5%	1.4%	220.2	2.4	1%
Điện										
POW	1,939	8.7	875	16,550	14,400	-12.0%	1.0%	20.0	1.4	7%
Điện và BĐS										
HDG	386	2.4	119	27,350	37,400	38.3%	1.5%	14.3	1.5	11%
PC1	492	5.9	170	31,350	26,500			13.9	2.0	15%
REE	1,334	1.3	0	64,500	76,600	20.3%	1.6%	13.8	1.7	13%
Bất động sản										
DXG	618	8.5	172	14,550	18,300	39.5%	13.7%	63.0	1.1	2%
KDH	1,170	6.0	255	27,300	41,800	54.2%	1.1%	31.1	1.7	5%
NLG	481	3.1	38	25,950	42,200	64.4%	1.8%	17.7	1.0	6%
VHM	14,667	33.4	6,141	93,500	93,600			9.3	1.6	19%
VRE	2,287	12.4	850	26,350	32,000	25.4%	4.0%	9.3	1.2	14%
Công nghệ										
FPT	5,660	38.5	776	87,000	118,200	37.0%	1.1%	15.8	4.1	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA